

Số: /2025/QĐ-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ khoản 5 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 16/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 3 năm 2025; Công văn số 1158/SNNMT-TTr ngày 21 tháng 4 năm 2025; Công văn số 2329/SNNMT-TTr ngày 06 tháng 6 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk ban hành Quyết định quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi hủy hoại đất quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04

tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP xảy ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm:

- a) Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- b) Hộ gia đình, cộng đồng dân cư (áp dụng như đối với cá nhân vi phạm);
- c) Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại Nghị định số 123/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Căn cứ xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

Tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất

1. Đối với các hành vi làm suy giảm chất lượng đất

a) Đối với hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác: Trường hợp được xác định là không thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc các biện pháp khác để khôi phục lại tầng đất canh tác như tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Mức độ khôi phục: Buộc khôi phục lại tầng đất canh tác đảm bảo đủ độ dày để canh tác.

b) Đối với hành vi làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng: Trường hợp được xác định là không thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc các biện pháp khác để loại bỏ, bóc tách các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần

khác với loại đất đang sử dụng để đưa diện tích đất vi phạm trở lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Mức độ khôi phục: Buộc loại bỏ, bóc tách các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác ra khỏi diện tích đất vi phạm và thực hiện cải tạo đất đảm bảo đủ chất lượng để sản xuất nông nghiệp.

c) Gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất đã được xác định: Trường hợp được xác định là không thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc các biện pháp khác để khôi phục lại chất lượng, tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Mức độ khôi phục: Buộc thực hiện các biện pháp để xử lý tình trạng xói mòn, rửa trôi và cải tạo lại đất đảm bảo đủ chất lượng để sản xuất nông nghiệp.

2. Đối với các hành vi làm biến dạng địa hình

a) Đối với hành vi làm thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất: Trường hợp được xác định là không thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc các biện pháp khác để hoàn trả, khôi phục độ dốc bề mặt đất như tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Mức độ khôi phục: Buộc san lấp điều chỉnh lại độ dốc bề mặt đất, độ cao thửa đất hoặc san gạt bề mặt đất để khôi phục lại bề mặt đất tương đương với trạng thái ban đầu của đất trước khi vi phạm hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

b) Đối với hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi): Trường hợp được xác định là không thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc các biện pháp khác để đưa diện tích đất vi phạm trở lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Mức độ khôi phục: Buộc nạo vét trả lại hiện trạng mặt nước chuyên dùng đến khi có khả năng sử dụng theo mục đích đã được xác định.

c) Đối với hành vi san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất

hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận): Trường hợp được xác định là không thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật hoặc các biện pháp khác để đưa bề mặt của diện tích đất vi phạm trở lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Mức độ khôi phục: Buộc đào, nạo vét hạ thấp bề mặt hoặc san lấp, đắp nâng cao bề mặt đất để khôi phục lại bề mặt đất tương đương với trạng thái ban đầu của đất trước khi vi phạm hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm xác định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

a) Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính có trách nhiệm xác định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trên cơ sở ý kiến của người vi phạm, ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan. Trường hợp cần thiết có thể đề nghị, xin ý kiến của cơ quan chuyên môn có liên quan để quyết định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

b) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính căn cứ biên bản vi phạm hành chính, kết quả xác định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm để ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, hồ sơ liên quan đến tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và các thông tin liên quan theo yêu cầu của người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính để xác định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; phối hợp với cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính xác định kết quả khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và kịp thời báo cáo Ủy ban

nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 07 năm 2025 và thay thế Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với từng loại vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&XLVPHC - Bộ Tư pháp,
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban mặt trận TQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Phòng: KTTH, CNXD;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (TLC-05b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn